

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12-3-2019

V/v tranh chấp Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thanh.

- Ông Bùi Đức Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019. Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX- ST ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Thị Lan A - Sinh ngày 27 tháng 8 năm 1998.

ĐKKHKT: Thôn T, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: anh Triệu A P - Sinh ngày 01 tháng 3 năm 1996.

ĐKNKTT: Thôn T, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 11/12/2018 và lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Bùi Thị Lan A trình bày: Chị và anh Triệu A P kết hôn với nhau từ năm 2017 trên tinh thần tự hoàn toàn tự nguyện, được 2 bên gia đình đồng ý tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Đến đầu năm 2018 thì vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là sau ngày cưới tôi phát hiện anh P có nhiều khoản nợ trước khi kết hôn, gia đình có hỏi nhưng anh P còn cãi. Sau đó tôi và anh P về nhà ngoại ở nhưng anh P không chịu làm ăn. Thời gian tiếp theo

anh P nói với mẹ tôi là gửi tôi ở nhà ngoại để anh P đi làm ăn, tôi hỏi đi đâu, làm gì thì anh P không nói rồi đi biệt không liên lạc gì với tôi. Tôi ở nhà buôn bán, đến tháng 5 năm 2018 tôi bị tai nạn khi về Bệnh viện Bạch Mai thì bác sỹ kết luận bị Viêm màng não. Sau đó anh P nói với mẹ tôi là cứ bỏ tiền chữa bệnh cho tôi, anh P đi làm rồi trả nợ cho mẹ tôi. Từ đó anh P không còn hỏi han và không quan tâm gì tới tôi. Bản thân tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chúng tôi không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi vẫn giữ nguyên nguyện vọng được ly hôn anh Triệu A P.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh Triệu A P chưa có con chung nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản: Chị Bùi Thị Lan A không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 3 năm 2019, Bị đơn anh Triệu A P trình bày: Tôi và cô Bùi Thị Lan A kết hôn với nhau vào năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhưng thời gian ngắn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn về chung sống cùng bố mẹ tôi tại thôn T, xã N, huyện B, nhưng được 3 ngày thì cô Lan A xin về nhà bố mẹ đẻ để lại mặt nhưng gia đình tôi không đồng ý vì theo phong tục dân tộc Dao thì chúng tôi thì đủ 7 ngày mới được về lại mặt nhưng cô Lan A vẫn cố tình về sau đó Lan A có trở về nhà tôi nhưng được 3 tuần thì tự dọn dẹp hết đồ quần áo và bỏ về nhà bố mẹ đẻ, từ đó tôi vẫn quan tâm nhưng cô Lan A luôn tạo áp lực cho tôi, không muốn vun vén hạnh phúc gia đình nên giữa chúng tôi không có được tiếng nói chung. Nay cô Lan A làm đơn xin ly hôn, tôi hoàn toàn nhất trí vì nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chúng tôi không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản: Chúng tôi không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn anh Triệu A P cố tình trốn tránh không tiếp nhận các văn bản thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập; Quyết định mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về Hôn nhân. Tòa án nhân dân huyện B tiến hành niêm yết tất cả các loại văn bản trên, thu thập tài liệu chứng cứ, xác minh tại địa phương và lập Biên bản không tiến hành hoà giải được.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, anh Triệu A P đến Tòa án nhân dân huyện B làm bản tự khai với nội dung đồng ý Ly hôn với chị Bùi Thị Lan A và nộp Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 12 tháng 3 năm 2019.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định theo Điều 70; 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị Lan A được ly hôn anh Triệu A P. Về án phí, chị Bùi Thị Lan A phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Chị Bùi Thị Lan A có Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn anh Triệu A P. Chị Lan A và anh P có hộ khẩu và địa chỉ thường trú tại huyện B, tỉnh Lào Cai. Theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Lan A và anh Triệu A P kết hôn trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai, đây là hôn nhân hợp pháp, hoàn toàn tự nguyện được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm vợ chồng không thống nhất trong sinh hoạt cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình không tôn trọng nhau, từ những mâu thuẫn nhỏ nhưng chị Lan A và anh P không khắc phục được. Mâu thuẫn kéo dài và lặp lại nhiều lần, từ năm 2018 chị Lan A và anh P đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Bùi Thị Lan A đã làm đơn xin ly hôn anh Triệu A P.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Mặc dù thời gian chung sống với nhau giữa chị Lan A và anh P là chưa nhiều, tuy nhiên trong khoảng thời gian đó chủ yếu là mâu thuẫn gia đình chứ không có hạnh phúc. Trong hôn nhân cả hai anh chị đã không ý thức được trách nhiệm của người vợ, người chồng để bảo ban nhau cùng làm ăn xây dựng, phát triển kinh tế gia đình. Mâu thuẫn xảy ra, cả hai anh chị đã không có biện pháp tháo gỡ và khắc phục. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Lan A và anh P là có, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm và hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được, do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Bùi Thị Lan A được ly hôn anh Triệu A P.

[3]. Về quan hệ nuôi con chung khi ly hôn: chị Bùi Thị Lan A và anh Triệu A P không có con chung nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Bùi Thị Lan A phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tại phiên tòa: Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Lan A được ly hôn anh Triệu A P.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Lan A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) theo biên lai số: 0002308, ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị Bùi Thị Lan A đã nộp đủ số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện (2);
- CCTHADS huyện;
- UBND xã N, H B;
- Lưu HS-THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Hưng

